

**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 17T4, 18T4, 19T4 CHƯA HOÀN TẤT ĐÓNG HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 18/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	19001701	Đỗ Văn	An	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
2	19002340	Cao Đức	Anh	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
3	19001053	Trần Nhật	Cường	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
4	19001489	Phạm Sĩ	Đan	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
5	19001285	Phạm Gia	Đạt	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
6	19001355	Nguyễn Xuân	Hải	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
7	19001572	Đặng Trung	Hậu	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
8	19001502	Trần Nguyễn	Hiếu	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
9	19002053	Trần Trung	Hiếu	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
10	19002246	Lê	Hồ	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
11	19001858	Nguyễn Văn	Huy	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
12	19002098	Nguyễn Đặng Tuấn	Khanh	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
13	19001052	Đinh Hoàng	Khánh	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
14	19000865	Lê Anh	Khoa	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
15	19000866	Lê Đăng	Khoa	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
16	19001552	Nguyễn Anh	Khoa	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
17	19001062	Đinh Hoàng Bảo	Khôi	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
18	19000541	Đàm Tấn	Lộc	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
19	19001653	Nguyễn Thành	Nghĩa	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
20	19002304	Tô Minh	Nhật	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
21	19001548	Trần Nguyễn Trung	Nhật	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
22	19001948	Nguyễn Vĩnh	Phong	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
23	19001377	Nguyễn Minh	Quang	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
24	19000766	Vũ Nguyễn Đăng	Quang	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
25	19000786	Nguyễn Minh	Quý	19T4-CKC1	2,460,000	-	2,460,000	Gia hạn ngày 30/06/2020
26	19001380	Nguyễn Ngọc	Son	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
27	19001370	Lý Đức	Tài	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
28	19001148	Trần Thanh	Tâm	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
29	19001342	Nguyễn Phan	Thái	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
30	19001668	Lê Công	Thắng	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
31	19002313	Đỗ Văn	Thọ	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
32	19000233	Chí Trương	Thuận	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
33	19001659	Lê Hùng	Tính	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
34	19000878	Lê Chí	Trọng	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
35	19001475	Nguyễn Hoàng	Trọng	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
36	19000886	Nguyễn Hồng	Trọng	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	
37	19001740	Ngô Thành	Vinh	19T4-CKC1	5,412,000	140,000	5,552,000	